

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI
TRƯỜNG THCS TÂN AN HỘI

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM HỌC 2023-2024**

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. **Tên trường:** TRƯỜNG THCS TÂN AN HỘI

2. **Địa chỉ:** Đường Bàu tre, Ấp Mũi Lớn 1, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi.

Điện thoại: 02837904995

Email: c2tananhoicc.tphcm@moet.edu.vn

Website: <https://thcstananhoi.hcm.edu.vn/>

3. **Loại hình cơ sở giáo dục:** Công lập

Cơ quan quản lý trực tiếp: UBND huyện Củ Chi

4. **Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục:**

4.1. Sứ mạng:

Về sứ mệnh: “Mang đến cho học sinh một chương trình giáo dục toàn diện nhằm chuẩn bị hành trang cho các em bước vào một thế giới luôn thay đổi, đồng thời phát triển khả năng học tập suốt đời để giúp các em sẵn sàng đảm nhận những trọng trách lớn lao và đáp ứng được nhu cầu nhân lực.”;

Tạo dựng một môi trường thân thiện, kỷ cương, chất lượng tốt, hiệu quả cao để mỗi học sinh phát triển toàn diện, có đạo đức, tri thức, sức khỏe, thẩm mỹ. Cung cấp nền tảng kiến thức vững chắc cho học sinh bằng nhiều phương pháp giáo dục tích cực, tiên tiến để các em chủ động tiếp thu kiến thức, phát triển tư duy, hình thành nhân cách, rèn luyện kỹ năng sống; có khả năng thích ứng với xã hội và hội nhập quốc tế.

4.2. Tầm nhìn:

Xây dựng trường THCS Tân An Hội “Trở thành một ngôi trường có chất lượng giáo dục cao, đào tạo những người có lý tưởng sống cao đẹp, mạnh về trí lực, khỏe

về thể chất, có kỹ năng sống văn minh, có tư duy độc lập, biết giữ gìn và phát huy truyền thống, bản sắc dân tộc.”; Về giá trị: “Tủ tề: Luôn đoàn kết, chia sẻ, yêu thương giúp đỡ lẫn nhau.”; “Trách nhiệm: bản thân, gia đình, cộng đồng, xã hội”; “Hội nhập: Kỹ năng làm việc, kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng giao tiếp, giao tiếp Tiếng Anh”.

4.3. Mục tiêu:

Nhà trường đặt ra mục tiêu là tạo dựng môi trường thân thiện, tích cực, “Trường học hạnh phúc” để mỗi học sinh có cơ hội phát triển tài năng, có khả năng thích ứng mạnh mẽ và trở thành công dân tốt của thành phố, là nơi đào tạo học sinh trở thành những con người sống có trách nhiệm, lòng nhân ái, giao tiếp ứng xử văn minh, hòa nhập tốt với cộng đồng.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục:

Trường THCS Tân An Hội là cơ sở giáo dục công lập trực thuộc Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Đường Bàu tre, Ấp Mũi Lớn 1, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh.

Trường Trung học cơ sở Tân An Hội được thành lập theo Quyết định số 7088/QĐ-UBND ngày 24 tháng 08 năm 2010 của Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh.

Trường được Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh công nhận đạt Chuẩn Quốc gia theo Quyết định số 3678/QĐ-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2014; chất lượng giáo dục Cấp độ 1 theo Quyết định số 576-24/QĐ-GDĐT-KTKĐCLGD ngày 30 tháng 3 năm 2020.

Diện tích toàn trường 10796,91 m². Trường gồm 04 dãy phòng, trong đó cả 04 dãy đều là nhà cao tầng. Trường có 28 phòng học, được xây dựng mới theo tiêu chuẩn quy định về diện tích, có đủ bàn ghế, bảng viết từ đúng quy cách, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát. diện tích sân chơi 4725m² rộng rãi, thoáng mát đáp ứng nhu cầu học tập, vui chơi của học sinh, 100% học sinh trường được học 02 buổi/ngày. Các

phòng học có diện tích trung bình 48 m², phòng học đảm bảo ánh sáng, được trang bị đầy đủ các thiết bị và đầy đủ bàn ghế đúng kích thước phù hợp với tầm vóc của học sinh. Diện tích còn lại dành cho việc trồng cây xanh, sân chơi... hỗ trợ tốt cho công tác dạy và học. Trường có hệ thống các phòng ban chức năng, trang thiết bị phục vụ cho công tác giảng dạy, chăm sóc sức khỏe, vui chơi của học sinh đầy đủ, hiện đại, theo yêu cầu của thời đại nhằm phục vụ tốt cho việc học tập của học sinh và giảng dạy của giáo viên.

Mọi hoạt động giáo dục của trường dựa vào nguồn kinh phí ngân sách nhà nước và nguồn kinh phí vận động tự nguyện từ cha mẹ học sinh.

Sau 14 năm hoạt động giảng dạy và giáo dục nhà trường đã có những bước phát triển đáng ghi nhận. Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên vững chuyên môn nghiệp vụ, nhiều kinh nghiệm trong giảng dạy. Mỗi cá nhân xác định được trách nhiệm, khắc phục khó khăn, hoàn thành tốt nhiệm vụ, tập thể đoàn kết nội bộ, thực hiện tốt quy chế dân chủ trong nhà trường. Nhà trường đưa chương trình giảng dạy tiếng Anh với Người nước ngoài từ năm học 2018-2019 cho đến thời điểm hiện tại tại tầm 15 lớp. Nhà trường thực hiện đổi mới quản lý, đổi mới phương pháp giảng dạy, lấy học sinh làm trung tâm, giáo viên tích cực tham gia ứng dụng công nghệ thông tin vào bài giảng.

Công tác phát triển đội ngũ được nhà trường đặc biệt quan tâm: 100% giáo viên có trình độ đạt chuẩn. Chi bộ hiện tại có 26 đảng viên. Liên tục nhiều năm liền Chi bộ luôn đạt Hoàn thành tốt nhiệm vụ, có 3 năm đạt Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Từ năm học 2013-2014 đến năm học 2022-2023, trường liên tục được Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tặng thưởng danh hiệu tập thể Lao động Xuất sắc. Nhận Bằng khen của UBND Thành phố Hồ Chí Minh năm học 2020-2021; nhận được Cờ thi đua của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh năm học 2022-2023.

6. Thông tin người đại diện pháp luật :

Họ và tên: Thân Lê Hồng Nhung

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: đường Bàu tre, Ấp Mũi Lớn 1, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi.

Số điện thoại: 0935158386

Thư điện tử: nhung141179@yahoo.com

7. Tổ chức bộ máy

– Trường thành lập theo Quyết định số 7088/QĐ-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2010 của Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi về việc thành lập trường Trung học cơ sở Tân An Hội;

– Hội đồng trường được thành lập theo Quyết định số 973/QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2021 về công nhận Hội đồng trường có tổng cộng 15 thành viên (danh sách đính kèm)

– Hiệu trưởng và hai Phó hiệu trưởng được điều động và bổ nhiệm theo các quyết định:

+ Quyết định số 13196/QĐ-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện Củ Chi về việc điều động và bổ nhiệm Hiệu trưởng trường Trung học cơ sở Tân An Hội;

+ Quyết định số 9057/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện Củ chi về việc điều động và bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng trường Trung học cơ sở Tân An Hội;

+ Quyết định số 5987/QĐ-UBND ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện Củ chi về việc điều động và bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng trường Trung học cơ sở Tân An Hội.

– Các tổ chức hoạt động hằng năm của đơn vị đều được xây dựng Quy chế và thông qua Hội đồng trường trước khi ban hành hành Quyết định

+ Quyết định số 99/QC-THCSTAH 31/08/2023 QĐ về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động năm học 2023-2024;

+ Quyết định số 129/QĐ-THCSTAH 30/10/2023 Quy chế dân chủ năm học 2023-2024.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2023-2024

TT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			T S	Th S	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	55	00	3	44	2	2	5	20	28		47	1	0	0
I	Giáo viên Trong đó số GV dạy môn:	44	00	01	44	1			20	25		44	1	0	0
1	Toán	8		01	7				4	4		8		0	0
2	Lý	2			2				1	1		2		0	0
3	Hóa	2			2				1	1		2		0	0
4	Sinh	3			3				2	1		3		0	0
5	Tin	1			1				1			1		0	0
6	C nghệ	4			4				1	3		4		0	0
7	Văn	7			8				2	6		8		0	0
8	Sử	3			3				1	2		3		0	0
9	Địa	1			1					1		1		0	0
10	GDCD	2			2					2		2		0	0
11	Ngoại ngữ	6			5	1			3	3		5	1	0	0
12	Thể dục	3			3				2	1		3		0	0
13	Âm nhạc	1			1				1			1		0	0

14	Mỹ thuật	1			1				1			1		0	0
15	Đoàn Đội														0
II Cán bộ quản lý															0
1	Hiệu trưởng	1		1						1		1			0
2	Phó hiệu trưởng	2		1	1					2		2			0
III Nhân viên															
1	Nhân viên văn thư	1					1								0
2	Nhân viên kế toán	1				1									0
3	Thủ quỹ- Y tế	1					1								0
4	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm- Thư viện														0
5	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật														0
6	Nhân viên công nghệ thông tin														0
7	Nhân viên bảo vệ- Phục vụ	5						5							0
8	Nhân viên lưu trữ														0

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Nội dung năm học 2023 - 2024	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	SL (... m ²)	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	24	
2	Phòng học bán kiên cố	5	

3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ	0	
5	Số phòng học bộ môn	6	
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	1	
7	Bình quân lớp/phòng học	1/1	
8	Bình quân học sinh/lớp	41.75	
III	Số điểm trường	1	
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	10.796,91m ²	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	5511m ²	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	48m ²	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	84m ²	
3	Diện tích thư viện (m ²)	84m ²	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)		
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	36 m ²	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	02	Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	02	
1.1	Khối lớp 6	118	14 bộ/8 lớp
1.2	Khối lớp 7	109	13 bộ/8 lớp
1.3	Khối lớp 8	95	11 bộ/8 lớp
1.4	Khối lớp 9	31	6 bộ/5 lớp
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		

2.1	Khối lớp 6	10	
2.2	Khối lớp 7	10	
2.3	Khối lớp 8	15	
2.4	Khối lớp 9	20	
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	00	
4	...		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	20	0.47 HS/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	29	1/1
2	Cát xét	2	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4.	Loa di động	1	
5	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	2	
6	Thiết bị khác...		
IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	29	
2	Cát xét	2	
3	Đầu Video/đầu đĩa	1	
4	Loa di động	1	
5	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	2	
6	Thiết bị khác...		
	Nội dung	Số lượng (m²)	

X	Nhà bếp	42m ²				
XI	Nhà ăn	345m ²				
	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ		Diện tích bình quân/chỗ	
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	02	168		4m ² /1 chỗ	
XIII	Khu nội trú	00				
XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	x		x		0,48m ² /HS
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(Theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/2/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)		x
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

– Trường được Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh công nhận đạt chất lượng giáo dục Cấp độ 1 theo Quyết định số 576-24/QĐ-GDĐT-KTKĐCLGD

ngày 30 tháng 3 năm 2020.

– Hội đồng tự đánh giá của trường tiến hành rà soát, đánh giá những hạn chế và đề ra hướng giải quyết khắc phục trong năm học 2023 - 2024 nhằm cải tiến chất lượng giáo dục của nhà trường. Huy động các nguồn lực cho giáo dục, góp phần tạo điều kiện đảm bảo cho Nhà trường không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo rèn luyện, hạnh kiểm	1163	340	320	229	274
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số) %	1127 (99,47%)	234 (99,15%)	292 (99,32%)	281 (99,65%)	320 (99,69%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	6 (0,53%)	2 (0,85%)	2 (0,68%)	1 (0,35%)	1 (0,31%)
3	Trung bình – Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	00	00	00	00	00
4	Yếu – Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	00	00	00	00	00
II	Số học sinh chia theo học lực	1163	340	320	229	274
1	Giỏi, Tốt (DHTĐ XS, G) (tỷ lệ so với tổng số) %	533 (47,04%)	83 (35,17%)	149 (50,68%)	136 (48,23%)	165 (51,4%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	442 (39,01%)	106 (44,92%)	112 (38,1%)	95 (33,69%)	129 (40,19%)
3	Trung bình, Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	158 (13,95%)	47 (19,92%)	33 (11,22%)	51 (18,09%)	27 (8,41%)
4	Yếu - CĐ (tỷ lệ so với tổng số)	06 (0,51%)	02 (33,33%)	03 (50%)	01 (16,67)	06 (0,51%)
5	Kém - CĐ (tỷ lệ so với tổng số)	00	00	00	00	00
III	Tổng hợp kết quả cuối năm					
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số) %	1157 (99,48%)	338 (99,41%)	317 (99,06%)	228 (99,56%)	274 (100%)
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	965 (82,97%)	99 (29,1%)	112 (35,0%)	82 (36,0%)	77 (28,1%)

b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	517 (44,45%)	152 (44,7%)	133 (41,6%)	100 (43,9%)	132 (48,2%)
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	06 (0,51%)	02 (33,33%)	03 (50%)	01 (16,67)	06 (0,51%)
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	00	00	00	00	00
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	12/28	2/16	5/6	2/4	3/2
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	00	00	00	00	00
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)%	10 (0,88%)	3 (1,27%)	2 (0,68%)	5 (1,77%)	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp quận/huyện	19				19
2	Cấp tỉnh/thành phố	4				4
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	00	00	00	00	00
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	274				274
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	274				274
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	165 (51,4%)				165 (51,4%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	129 (40,19%)				129 (40,19%)
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)	27 (8,41%)				27 (8,41%)
VII	Số học sinh thi đỗ lớp 10 (tỷ lệ so với tổng số)					
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	599/564	168/172	156/164	130/99	145/129
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	17	3	6	5	3

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

(đính kèm)

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

Những việc đã làm được:

- Nền nếp hoạt động của các tổ chức, bộ phận trong nhà trường luôn ổn định, các hoạt động thi đua dạy tốt và học tốt diễn ra khá sôi nổi.
- Việc thực hiện qui chế chuyên môn khá nghiêm túc và đầy đủ theo qui định của ngành.
- Tích cực sử dụng ĐDDH khi lên lớp.
- Tổ chức tốt các hoạt động ngoại khoá, các chương trình lịch sử, văn học địa phương.
- Hoàn thành tốt các nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch năm học.
- Đạt Giải I Liên hoan Vũ điệu mùa Xuân cấp Huyện .
- Đạt giải phong trào hội thi Nghi thức Đội cấp Huyện
- Đạt giải C hội thi Liên hoan Tiếng kèn đội ta cấp Huyện
- Đạt 5 giải khuyến khích - Bảng A hội thi Vẽ tranh, viết thư pháp chủ đề: Mùa xuân quê em 2024 cấp Huyện.
- Đạt giải 3 hội thi Giờ lập trình lần 1 cấp Thành phố.
- 1 HS đạt giải Lê Quý Đôn trên báo khăn quàng đỏ cấp Thành.
- Đạt giải 3 hội thi Mô hình từ vật dụng tái chế cấp Cụm
- Đạt giải Khuyến khích tập thể Nét vẽ xanh lần thứ XVII cấp Huyện
- Phổ cập bơi lội thực hiện theo đúng kế hoạch.
- Vận động ra lớp 6 (100%)
- Chuẩn quốc gia PC THCS 97,58%.
- Học sinh giỏi cấp huyện 32 học sinh: 08 Toán, 03 Hóa, 02 Ngữ văn, 04 Công nghệ, 06 Vật lý, 01 Sử, 03 Tiếng anh; 01 Sinh học, 04 Giải toán trên máy tính cầm tay. (So với năm 2022 môn Toán, môn Công nghệ, môn Giải toán trên máy tính cầm tay tăng nhiều).
- Học sinh giỏi cấp Thành phố có 04 HS đồng giải III: 02 CN, 01 Sử, 01 Vật lý.
- Có 01 học sinh lớp 8 vào "Vòng tuyển chọn" cấp Quốc gia Hội thi KHKT học sinh trung học năm học 2023 – 2024.

- Hội thi khéo tay kỹ thuật cấp huyện đạt 05 giải, 01 giải khuyến khích trang trí nhà ở, 01 giải khuyến khích sáng tạo với Scratch, 01 khuyến khích làm hoa giấy hoa vải, 01 giải nhất Mạch điện thông minh, 01 giải nhì cơ khí;
- Hội thi khéo tay kỹ thuật cấp Thành phố lần thứ XI đạt giải Nhì Mạch điện thông minh
- 01 học sinh đạt giải II KHKT do sở GDĐT TP HCM tổ chức ,
- 02 học sinh đạt giải 3 Hour of code, do thành đoàn TP HCM *tổ chức*
- Tỷ lệ hạnh kiểm học sinh tốt: 1157/99,6%, hạnh kiểm khá 05/0,4%.
- Kết quả chung: HS giỏi: 370/1162 - 31,8%; HS khá: 517/1162 – 44,5%
- Tổng số HS khá giỏi: 887/1162 – 76,3%
- Học lực trên trung bình 1156/1162-99,5% (1163/98,66% năm học 2022-2023)
- Tỷ lệ bỏ học: 9/1170, TL: 0,77%.
- Chi bộ: Hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2023
- Hiệu suất đào tạo: 94,16% (năm học 2022-2023 95,18)
- Hội thi giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp trường;
- 100% giáo viên bộ môn tham dự đủ các chuyên đề thao giảng cấp huyện, cụm.
- Một giáo viên đạt giải Ba hội thi STEM Cấp thành phố
- Tất cả các hoạt động phong trào do ngành, địa phương tổ chức, giáo viên-học sinh của trường đều tích cực tham gia và đạt giải.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên và đóng dấu)